

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*Quý IV năm 2015*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG SÔNG HỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23 / CT-TCKT

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2016

V/v: giải trình số liệu trên báo cáo Tài chính  
hợp nhất quý IV/2015

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng xin giải trình về số liệu trên báo cáo Tài chính Hợp nhất Quý VI năm 2015 như sau:


Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng đã bàn giao và quyết toán Dự án B4 Kim Liên, hạch toán toàn bộ phần doanh thu còn lại theo quy định.

Kết quả sản xuất kinh doanh Hợp nhất Quý IV lãi : 21.446.533.435 đồng ( **Bằng chữ:** Hai mươi một tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi ba ngàn, bốn trăm ba lăm đồng chẵn./.)

Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng xin được giải trình với Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về chênh lệch số liệu tài chính trên báo cáo tài chính Hợp nhất Quý IV/2014 và Quý IV/2015. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm công bố thông tin chính xác về số liệu trên.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên 
- Lưu: TCHC/CT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Thanh Tùng**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>291,923,977,063</b>	<b>334,337,807,170</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>10,201,941,687</b>	<b>29,088,548,262</b>
111	1. Tiền	3	10,201,941,687	29,088,548,262
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>71,255,500,000</b>	<b>46,519,500,000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		71,255,500,000	46,519,500,000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>21,041,959,555</b>	<b>21,264,241,205</b>
131	1. Phải thu khách hàng		8,646,685,444	9,467,819,614
132	2. Trả trước cho người bán		5,096,160,174	5,663,434,666
135	5. Các khoản phải thu khác	5	8,245,676,437	6,603,549,425
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(946,562,500)	(470,562,500)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>175,623,051,789</b>	<b>216,638,834,874</b>
141	1. Hàng tồn kho	6	175,623,051,789	216,638,834,874
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>13,801,524,032</b>	<b>20,826,682,829</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			231,548,959
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4,990,174,642	9,964,489,571
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		335,285	335,285
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		8,811,014,105	10,630,309,014
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>43,386,890,595</b>	<b>79,409,410,410</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>33,208,115,673</b>	<b>29,686,870,143</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	10,694,898,492	7,092,331,962
222	- Nguyên giá		17,815,258,483	13,119,468,301
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7,120,359,991)	(6,027,136,339)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	2,659,090,950	2,659,090,950
228	- Nguyên giá		2,659,090,950	2,659,090,950
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	19,854,126,231	19,935,447,231
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>9,881,752,600</b>	<b>49,661,752,600</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10	3,181,752,600	42,961,752,600
258	3. Đầu tư dài hạn khác	11	6,700,000,000	6,700,000,000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>297,022,322</b>	<b>60,787,667</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		297,022,322	60,787,667
269	<b>VI. Lợi thế thương mại</b>		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>335,310,867,658</b>	<b>413,747,217,580</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>67,493,790,696</b>	<b>152,357,093,842</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>67,493,790,696</b>	<b>152,357,093,842</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán		13,775,427,437	16,227,017,773
313	3. Người mua trả tiền trước		6,262,189,008	113,664,196,289
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1,448,764,961	850,255,311
315	5. Phải trả người lao động		1,172,785,931	497,268,718
316	6. Chi phí phải trả	13	76,522,717	76,522,717
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	43,957,960,830	20,342,155,776
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		800,139,812	699,677,258
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>267,817,076,962</b>	<b>261,390,123,738</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	15	<b>267,817,076,962</b>	<b>261,390,123,738</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200,000,000,000	200,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		22,123,458,400	22,123,458,400
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		27,139,228,703	14,256,959,176
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		-	10,715,655,360
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18,554,389,859	14,294,050,802
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
439	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>335,310,867,658</b>	<b>413,747,217,580</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

<b>Mã số</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Lương Thị Ánh Phượng**

**Nông Thị Thu Trang**

**Nguyễn Thanh Tùng**

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
			Từ 01.10.2015 đến 31.12.2015	Từ 01.10.2014 đến 31.12.2014	Từ 01.01.2015 đến 31.12.2015	Từ 01.01.2014 đến 31.12.2014
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	134,500,127,458	59,995,609,010	136,048,236,013	142,165,854,401
02	Các khoản giảm trừ		-	-		
10	Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ		134,500,127,458	59,995,609,010	136,048,236,013	142,165,854,401
11	Giá vốn hàng bán	19	107,527,256,173	50,025,566,040	108,824,980,470	121,499,873,335
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26,972,871,285	9,970,042,970	27,223,255,543	20,665,981,066
21	Doanh thu hoạt động tài chính	20	214,556,417	1,106,081,924	1,729,808,303	3,683,653,021
22	Chi phí hoạt động tài chính					
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>					
24	Chi phí bán hàng					
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		4,762,369,289	2,393,228,488	9,706,576,202	8,668,039,802
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22,425,058,413	8,682,896,406	19,246,487,644	15,681,594,285
31	Thu nhập khác		159,529,888	9,177,483	171,929,888	358,070,210
32	Chi phí khác		6,000,001		31,000,001	146,316,050
40	Lợi nhuận khác		153,529,887	9,177,483	140,929,887	211,754,160
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22,578,588,300	8,692,073,889	19,387,417,531	15,893,348,445
51	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	21	1,132,054,865	644,674,769	1,132,054,865	1,442,533,022
52	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		21,446,533,435	8,047,399,120	18,255,362,666	14,450,815,423

Hà nội ngày 03 tháng 02 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lương Thị Ánh Phượng

Nông Thị Thu Trang

Nguyễn Thanh Tùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Quý IV năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Từ 01.01.2015 đến 31.12.2015	Từ 01.01.2014 đến 31.12.2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	21,587,023,528	60,360,649,694
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(36,105,735,211)	(34,057,176,556)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(5,506,274,198)	(4,848,668,222)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(649,480,322)	(797,858,253)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5,326,125,769	22,142,876,257
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(48,676,074,444)	(5,998,177,217)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(64,024,414,878)</b>	<b>36,801,645,703</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, tài sản dài hạn khác		
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tài sản dài hạn khác	-	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác		
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	39,780,000,000	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5,357,808,303	3,402,462,331
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>45,137,808,303</b>	<b>3,402,462,331</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp chủ sở hữu	-	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20,000,000,000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>(20,000,000,000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(18,886,606,575)</b>	<b>20,204,108,034</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>29,088,548,262</b>	<b>8,884,440,228</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>10,201,941,687</b>	<b>29,088,548,262</b>

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lương Thị Ánh Phượng

Nông Thị Thu Trang

Nguyễn Thanh Tùng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý IV năm 2015

### 1 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### Hình thức sở hữu vốn.

Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 257/QĐ-BXD ngày 21 tháng 02 năm 2006 và Quyết định số 747/QĐ-BXD ngày 09 tháng 05 năm 2006 (sửa đổi Quyết định 257/QĐ-BXD) của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại 164 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là đầu tư dự án và thi công các công trình xây dựng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100107042 ngày 17 tháng 04 năm 2006 (đăng ký lại lần thứ 8 ngày 17.09.2010) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kiến trúc tổng mặt bằng nội, ngoại thất: đối với công trình dân dụng công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch chung; quy hoạch tổng thể, chi tiết đối với khu đô thị, khu dân cư; Thiết kế san nền hệ thống thoát nước, đường nội bộ vào khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch điện đô thị, nông nghiệp, xí nghiệp; Thiết kế cấp điện, chống sét đối với công trình xây dựng, dân dụng công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Khảo sát địa chất công trình xây dựng;
- Tư vấn thẩm tra, thẩm định, quy hoạch dự án đầu tư, kỹ thuật, bản vẽ thi công và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng đô thị và nội, ngoại thất; Kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm xây dựng;
- Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, công trình ngầm, công trình và hệ thống điện, viễn thông và các công trình kỹ thuật khác, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Khoan phá bê tông, phá dỡ công trình xây dựng, di chuyển nhà cửa; Tư vấn đầu tư (không bao gồm du lịch);
- Đầu tư kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng. Kinh doanh ăn uống. Kinh doanh lữ hành và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Đầu tư kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Môi giới, đấu giá bất động sản (không bao gồm dịch vụ tư vấn giá đất);
- Kinh doanh thiết bị dân dụng, công nghiệp, y tế, nguyên liệu, than, chất đốt; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm gốm sứ, vật liệu xây dựng, sắt thép;
- Kinh doanh vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; Cho thuê phương tiện vận tải, cho thuê thiết bị xây dựng hoặc thiết bị phá dỡ có kèm người điều khiển;



- Sửa chữa lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, cung cấp phụ tùng thay thế máy móc, thiết bị phục vụ ngành công, nông nghiệp, giao thông, vận tải, khai thác mỏ, cơ khí, thủy lợi, thủy điện, tự động hóa;
- Khai thác và chế biến khoáng sản, nông, lâm sản, thực phẩm, đồ gỗ dân dụng và công nghiệp, khai thác quặng kim loại đen phục vụ luyện gang thép, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh nhập khẩu các loại hàng hóa, thiết bị vật tư, vật liệu xây dựng, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, nông, lâm sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát có cồn và có ga;
- Sàn giao dịch bất động sản; Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Quản lý bất động sản;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng.

## **2 Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng:*

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn kèm theo.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng:*

Công ty đang áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh đối với chi phí công trình dở dang, theo phương pháp bình quân đối với nguyên vật liệu. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình, hạng mục công trình như sau:

Đối với các công trình còn dở dang đến cuối kỳ kế toán thì

$$\text{Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ từng CT, HMCT} = \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ từng CT, HMCT} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ từng CT, HMCT}$$

Đối với các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành đã có quyết toán A-B hoặc có biên bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành, thì:

$$\text{Chi phí dở dang cuối kỳ từng CT, HMCT} = \text{Chi phí dở dang đầu kỳ từng CT, HMCT} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ từng CT, HMCT} - \text{Giá thành định mức từng CT, HMCT}$$

Trong đó:

$$\text{Giá thành định mức từng CT, HCMT} = \text{Doanh thu ghi nhận từng CT, HCMT} \times \text{Tỷ lệ giao thầu cho từng CT, HCMCT}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25-50	Năm
- Máy móc, thiết bị	03-06	Năm
- Phương tiện vận tải	05-06	Năm
- Thiết bị văn phòng	03-05	Năm

#### **Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết:**

Khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên doanh, liên kết được kê toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **Tổng số Công ty con: 01 Công ty**

- Số Công ty con được hợp nhất : 01 Công ty
- Số Công ty con không được hợp nhất : 0 Công ty

Danh sách các Công ty con được hợp nhất : Tỷ lệ lợi ích (%) : Quyền biểu quyết (%)

Công ty TNHH Phát triển Dịch vụ và Thương mại Sông Hồng : 100% : 100%

##### **Tổng số Công ty liên kết: 01 Công ty**

- Số Công ty liên kết được hợp nhất : 0 Công ty
- Số Công ty liên kết không được hợp nhất : 01 Công ty

Danh sách các Công ty liên kết không hợp nhất : Tỷ lệ lợi ích (%) : Quyền biểu quyết (%)

Công ty CP Đầu tư IT Việt Nam : 30% : 30%

Nguyên nhân: Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết này, do các đơn vị chưa hoàn thành Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng việc hợp nhất các Công ty này có ảnh hưởng không trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Công ty và hiện tại các Công ty này đều đang trong quá trình đầu tư, không có các vấn đề có thể ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh hợp nhất. Do đó khoản đầu tư này được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “ Chi phí đi vay ”. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan đến quá trình làm thủ tục vay.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

**Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước.**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Các khoản phải trả và chi phí trích trước cũng được Công ty sử dụng để ghi nhận số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ Công ty đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp hay chưa.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Căn cứ để hạch toán doanh thu là Quyết toán A-B đối với các Công trình hoàn thành nghiệm thu hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài. Giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Giá trị này không bao gồm các khoản vật liệu do chủ đầu tư cấp và các chi phí kiến thiết cơ bản khác do chủ đầu tư thực hiện

*Doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- Các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành (22%).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Theo Nghị định 34/2007/NQ-CP ngày 03/07/2007 của Chính Phủ về một số giải pháp để thực hiện việc cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp, phần thu nhập của Công ty do việc đầu tư cải tạo khu tập thể Kim Liên cũ thuộc diện được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế thu nhập trong 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Theo đó, phần thu nhập từ dự án Kim Liên trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 thuộc diện giảm 50% thuế TNDN phải nộp.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

#### **Phương pháp lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con mà Công ty mẹ giữ quyền kiểm soát được lập cho cùng kỳ kế toán đã được kiểm toán.

Khi hợp nhất Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con sẽ được hợp nhất theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, thu nhập khác và chi phí.

Số dư các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán của các giao dịch trong nội bộ được loại trừ. Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong từng Công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con phải được loại trừ.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con bị hợp nhất được xác định và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần nợ phải trả và phần vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty mẹ

Các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Công ty, bao gồm các khoản doanh thu, các khoản chi phí, cổ tức được loại trừ. Các khoản lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ nằm trong giá trị còn lại của tài sản, như hàng tồn kho và tài sản cố định cũng được loại trừ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được khấu trừ khi xác định giá trị ghi sổ của tài sản cũng được loại bỏ.

3 . TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	4,581,961,960	7,569,934,900
Tiền gửi ngân hàng	5,619,979,727	21,518,613,362
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10,201,941,687</b>	<b>29,088,548,262</b>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	71,255,500,000	46,519,500,000
<b>Cộng</b>	<b>71,255,500,000</b>	<b>46,519,500,000</b>

5 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khác	4,865,640,622	5,065,557,778
Phải trả, phải nộp khác (Dư Nợ)	3,380,035,815	1,537,991,647
<b>Cộng</b>	<b>8,245,676,437</b>	<b>6,603,549,425</b>

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	175,623,051,789	216,638,834,874
<b>Cộng</b>	<b>175,623,051,789</b>	<b>216,638,834,874</b>

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Phụ lục 1)

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền phát minh	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	2,659,090,950				2,659,090,950
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2,659,090,950	-	-	-	2,659,090,950
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ					-
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	2,659,090,950	-	-	-	2,659,090,950
Tại ngày cuối kỳ	2,659,090,950	-	-	-	2,659,090,950

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	19,854,126,231	19,935,447,231
<i>Công trình: Dự án Hà Đông</i>	39,831,769	39,831,769
<i>Công trình: Dự án Kim Liên giai đoạn II</i>	204,713,273	286,034,273
<i>Công trình: Dự án Đông Anh</i>	17,834,760	17,834,760
<i>Công trình: Dự án Chợ Xuân La</i>	19,571,764,611	19,571,764,611
<i>Công trình: Dự án Giải Phóng</i>	19,981,818	19,981,818
<b>Cộng</b>	<b><u>19,854,126,231</u></b>	<b><u>19,935,447,231</u></b>

**10 . ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tên Công ty liên kết (*)	3,181,752,600	42,961,752,600
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam</i>		39,780,000,000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư IT Việt Nam</i>	3,181,752,600	3,181,752,600
<b>Cộng</b>	<b><u>3,181,752,600</u></b>	<b><u>42,961,752,600</u></b>

(\*) Trong kỳ Công ty đã chuyển nhượng thành công phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam

**11 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tên Công ty nhận đầu tư	6,700,000,000	6,700,000,000
<i>Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Bắc Can</i>	2,800,000,000	2,800,000,000
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Incomex</i>	900,000,000	900,000,000
<i>Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dầu khí Sông Hồng</i>	3,000,000,000	3,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>6,700,000,000</u></b>	<b><u>6,700,000,000</u></b>

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	170,868,020	59,218,914
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,132,054,865	649,480,322
Thuế thu nhập cá nhân	21,596,686	17,310,685
Các loại thuế khác	124,245,390	124,245,390
<b>Cộng</b>	<b><u>1,448,764,961</u></b>	<b><u>850,255,311</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh đã phát sinh chưa có hóa đơn	76,522,717	76,522,717
<b>Cộng</b>	<b><u>76,522,717</u></b>	<b><u>76,522,717</u></b>



**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	19,589,140	14,746,680
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	7,542,850	957,850
Bảo hiểm thất nghiệp	815,894	73,232
Nhận vốn góp kinh doanh dự án Xuân La	10,500,000,000	10,500,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32,482,263,938	9,819,161,200
Phải thu khác (Dư Có)	946,296,956	7,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>43,957,960,830</u></b>	<b><u>20,342,155,776</u></b>

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 2)**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước		
Vốn góp của đối tượng khác	200,000,000,000	200,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>200,000,000,000</u></b>	<b><u>200,000,000,000</u></b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	200,000,000,000	200,000,000,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	200,000,000,000	200,000,000,000

**d) Cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	20,000,000	20,000,000
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	20,000,000	20,000,000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	20,000,000	20,000,000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20,000,000	20,000,000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	20,000,000	20,000,000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Mệnh giá 10.000 VNĐ/Cổ phiếu		

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Quý IV năm 2015</u>	<u>Quý IV năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	134,500,127,458	59,995,609,010
<b>Cộng</b>	<b><u>134,500,127,458</u></b>	<b><u>59,995,609,010</u></b>

**17 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Quý IV năm 2015</u>	<u>Quý IV năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu thuận bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	134,500,127,458	59,995,609,010
<b>Cộng</b>	<b><u>134,500,127,458</u></b>	<b><u>59,995,609,010</u></b>

**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý IV năm 2015	Quý IV năm 2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa dịch vụ đã cung cấp	107,527,256,173	50,025,566,040
<b>Cộng</b>	<b><u>107,527,256,173</u></b>	<b><u>50,025,566,040</u></b>

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý IV năm 2015	Quý IV năm 2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	214,556,417	1,106,081,924
<b>Cộng</b>	<b><u>214,556,417</u></b>	<b><u>1,106,081,924</u></b>

**20 Số liệu so sánh**

Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 chuyển sang ngày 01/01/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015  
**Tổng Giám đốc**

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Lương Thị Ánh Phượng**

**Nông Thị Thu Trang**

**Nguyễn Thanh Tùng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG**

Số 164 Lò Đúc, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH***Phụ lục 1*

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng TSCĐ hữu hình</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	8,670,828,831		2,939,988,733	1,352,165,619	156,485,118	13,119,468,301
Số tăng trong kỳ	-	-	4,695,790,182	-	-	4,695,790,182
- Mua trong kỳ			4,695,790,182			4,695,790,182
- Tăng khác						-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8,670,828,831</b>		<b>7,635,778,915</b>	<b>1,352,165,619</b>	<b>156,485,118</b>	<b>17,815,258,483</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	2,234,943,224		2,321,700,371	1,333,001,517	137,491,227	6,027,136,339
Số tăng trong kỳ	346,489,656	-	746,733,996	-	-	1,093,223,652
- Khấu hao trong kỳ	346,489,656		746,733,996			
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2,581,432,880</b>		<b>3,068,434,367</b>	<b>1,333,001,517</b>	<b>137,491,227</b>	<b>7,120,359,991</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	6,435,885,607	-	618,288,362	19,164,102	18,993,891	7,092,331,962
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>6,089,395,951</b>	-	<b>4,567,344,548</b>	<b>19,164,102</b>	<b>18,993,891</b>	<b>10,694,898,492</b>

Trong đó giá trị TSCĐ mang thẻ chấp, cầm cố - đồng

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao còn sử dụng 2,697,235,742 đồng

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Phụ lục 2*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>200,000,000,000</b>	<b>22,123,458,400</b>	<b>14,256,959,176</b>	<b>8,670,419,118</b>	<b>2,857,305,215</b>	<b>247,908,141,909</b>
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước					14,446,345,465	14,446,345,465
Tăng khác				2,045,236,242		2,045,236,242
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác					3,009,599,878	3,009,599,878
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>200,000,000,000</b>	<b>22,123,458,400</b>	<b>14,256,959,176</b>	<b>10,715,655,360</b>	<b>14,294,050,802</b>	<b>261,390,123,738</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>200,000,000,000</b>	<b>22,123,458,400</b>	<b>14,256,959,176</b>	<b>10,715,655,360</b>	<b>14,294,050,802</b>	<b>261,390,123,738</b>
Tăng vốn trong kỳ này						-
Lãi trong kỳ này					21,446,533,435	21,446,533,435
Tăng khác			12,882,269,527			12,882,269,527
Giảm vốn trong kỳ này						-
Lỗ trong kỳ này					3,191,170,769	3,191,170,769
Giảm khác				10,715,655,360	13,995,023,609	24,710,678,969
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>200,000,000,000</b>	<b>22,123,458,400</b>	<b>27,139,228,703</b>	<b>-</b>	<b>18,554,389,859</b>	<b>267,817,076,962</b>